TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG TÀI , TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 31-10-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Hoan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Nguyễn Hữu Minh**

Ông: **Vũ Văn Vừng**

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Văn Thập** - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân huyện Lương Tài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về "tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX - ST, ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991** (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Trung Thành, xã ĐL, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
Bị đơn: **Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985** (có mặt)
Địa chỉ: Thôn PX, xã PH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T thống nhất trình bày: Anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện Lương Tài,tỉnh Bắc Ninh từ ngày 04 tháng 7 năm 2009 theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị L về làm dâu nhà anh T ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo chị L trình bày là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống cũng như trong làm ăn kinh tế. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng chỉ nói chuyện được một lúc rồi lại khắc khẩu, to tiếng, cãi vã lẫn nhau ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không thể đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để không ảnh hưởng đến con và mỗi người có cuộc sống mới.

Theo anh T trình bày: Sau khi cưới thì anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2016, do điều kiện kinh tế khó khăn, hai con nhỏ cần nhiều tiền sinh hoạt, chi tiêu nên anh chị bàn bạc để chị L đi lao động tại Nhật Bản 3 năm rồi về xây nhà. Trong thời gian chị L ở Nhật thì chị không gửi tiền về cho anh nuôi con nên vợ chồng sinh ra cãi cọ, giận dỗi nhau trên điện thoại cũng chỉ vì kinh tế, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Đến tháng 7 năm 2019, sau khi hết hợp đồng lao động tại Nhật chị L về nước, anh và gia đình ra sân bay đón chị L về nhà nhưng khi gặp nhau ở sân bay thì chị L đã có thái độ lạnh nhạt, không thèm nói chuyện với anh; về đến nhà chị cũng không nói với anh một lời nào cả. Chị L ở nhà được một hôm thì hôm sau chị xin phép lên nhà bố mẹ đẻ chơi hai hôm. Đến ngày thứ 3 chị về nhà vẫn giữ thái độ lạnh nhạt với anh, do bức xúc nên anh và chị có to tiếng. Sáng hôm sau chị thu dọn đồ đạc, thuê taxi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh và gia đình đã nhiều lần lên nhà nói chuyện với gia đình chị L mong hai gia đình hòa giải để chị L suy nghĩ lại về đoàn tụ với anh nhưng quan điểm của gia đình chị L là đây là việc riêng của hai vợ chồng, gia đình không can thiệp. Còn chị L tránh mặt, không chịu gặp anh, anh gọi điện cho chị thì vợ chồng chỉ nói chuyện được mấy câu rồi chị tắt máy. Khi chị L làm đơn xin ly hôn thì có xuống nhà bảo anh ký vào đơn nhưng anh không ký. Nay anh xác định mặc dù chị L muốn ly hôn với anh nhưng anh rất mong chị suy nghĩ lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con trưởng thành. Nếu chị L K quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh T thống nhất trình bày: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 16/7/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày

01/10/2014; hiện tại hai con vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Nếu không được thì chị xin nuôi con nhỏ là Nguyễn Thị Huyền T còn anh T nuôi con lớn là Nguyễn Ngọc K. Cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải đóng góp. Anh T trình bày nếu Tòa án xử ly hôn thì anh thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì anh không muốn các con phải xa nhau. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tùy chị L đóng góp, anh không yêu cầu.

Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày16/7/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 01/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với chị L và anh T; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T, lời đề nghị của chị L qua xem xét HĐXX nhận thấy: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn hợp pháp từ tháng 10 năm 2011. Mâu thuẫn giữa anh L và anh T được xác định là trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, cũng là do chị L đi lao động tại nước ngoài nên hai vợ chồng không sống chung dẫn đến tình cảm rạn nứt. Sự việc này đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Đến tháng 7 năm 2019, chị L về nước nhưng anh chị cũng không thể đoàn tụ. Mặc dù anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng về đoàn tụ; chị L vẫn xác định vợ chồng không còn tình cảm nếu về sống chung thì cũng không có hạnh phúc và còn ảnh hưởng đến tâm lý của hai con. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa hai anh chị nhưng chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T. Do đó cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh T xác định anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 16/7/2010 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 01/10/2014. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con nhỏ, anh T mong muốn được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Hiện tại chị L mới về nước đang làm may ở nhà thu nhập khoảng 5-6 triệu/1 tháng, còn anh T thì làm lái máy cày và làm khung nhôm cửa kính thu nhập khoảng 5-7 triệu đồng/1 tháng, xét thấy mức thu nhập của hai anh chị là ngang nhau. Để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý và đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất cho các con chung của anh chị thì cần giao cho mỗi anh chị nuôi một con chung. Do cháu Huyền T còn nhỏ, lại là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa chị L cũng có nguyện vọng được nuôi cháu T nên cần giao cháu T cho chị

L nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản: Chị L và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 16/7/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 01/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng . Cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với chị L và anh T; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp là 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001402 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lương Tài;
- THADS huyện Lương Tài
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Hoan